



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 208943
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH MINH CHIEU
Last Middle First
- Current Address: 330D K2 BASES GROUP 1 CAMP HAM TAN - TIKUAN HAI
- Date of Birth: 07/16/1940 Place of Birth: SOC TRANG - VIETNAM
- Previous Occupation (before 1975) MAJOR - ARMY SECURITY OFFICER OF BAC LIEU
(Rank & Position) PROVINCE
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/1975 To PRESENT
Years: _____ Months: _____ Days: _____
3. SPONSOR'S NAME: NAM QUANG HUYNH
Name (502)
- Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>NAM Q HUYNH</u>	<u>NEPHEW</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH MINH CHIEU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI THANH HUONG	3/2/40	WIFE
HUYNH MINH CHAU	1/24/67	SON
HUYNH MINH NGOC	1/31/69	SON
HUYNH MINH TRI	12/21/70	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

69 NGUYEN MINH KHAI, KHOM 3
PHUONG 3, SOC TRANG, HAUGANG
VIETNAM.

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Nam Q. Huynh



To: Families of Vietnamese political Prisoners
P.O. Box 5435
Arlington, VA. 22205-0635

SEP 06 1989



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 208943

VEWL.#:

I-171#: Y NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH MINH CHIEU
Last Middle First
- Current Address: 230D K2 BASES GROUP 1 CAMP HAM TAN - TIKHANH
- Date of Birth: 07/16/1940 Place of Birth: SOE TRANG - VIETNAM
- Previous Occupation (before 1975) MAJOR - ARMY SECURITY OFFICER OF BAC LU
(Rank & Position) PROVINCE
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/1975 To PRESENT
Years: Months: Days:
3. SPONSOR'S NAME: NAM QUANG HUYNH
Name (502)

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>NAM Q HUYNH</u>	<u>NEPHEW</u>



Nam Q. Huynh
Tu K. Huynh
157 La Fontenay Drive Ph. 244-8613
Louisville, Ky 40223

9/1 19 89 221
21-5
830

PAY TO THE
ORDER OF

HOT GIA DINH TU NHAN CHINH TRI VN

\$ 12.00

If you
and have
Also, p
INS FOR

Twelve and ²⁰/₁₀₀

DOLLARS

teria
lo so.
am on



FIRST NATIONAL BANK
OF LOUISVILLE

0688 LOUISVILLE, KENTUCKY

FOR NINH LIEN.

Nam Q. Huynh

KHAI-SANH SỐ 236
(Acte N°)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
(RÉPUBLIQUE DU VIÊT-NAM)

BỘ ĐỒI CÔNG-DÂN VIỆT-NAM
(ÉTAT-CIVIL VIÊTNAMIN)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH NĂM 1967

(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)

Một ngàn chín trăm sáu mươi bảy

XÃ KHÁNH-HƯNG
(Village)

TỈNH BA-XUYỀN
(Province)

Tên và họ đứa trẻ (Nom et prénom de l'enfant)	HUYỀN-MINH-CHÂU
Nam hay nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Ngày sinh (Date de naissance)	Hai mươi bốn tháng một năm 1967
Nơi sinh (Lieu de naissance)	Khánh-Hung (Ba-Xuyên)
Tên và họ người cha (Nom et prénom du père)	HUYỀN-MINH-CHIẾU
Nghề-nghiệp (Sa profession)	Quân-nhân
Nơi cư trú (Son domicile)	Khánh-Hung
Tên họ người mẹ (Nom et prénom de la mère)	NGUYỄN-THANH-HƯƠNG
Nghề-nghiệp (Sa profession)	Nội-trợ
Nơi cư trú (Son domicile)	Khánh-Hung
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang)	Vợ chánh

Chứng thật chữ ký ngang đây của

U.B.H.C. Xã Khánh-Hung (Ba-xuyên)

Ba-xuyên, ngày 12 tháng 02 năm 1967

TRÍCH Y BẢN CHÍNH

(Pour extrait conforme)

Khánh-Hung, ngày 02 tháng 2 năm 1967

le

Chủ-tịch,

kiêm Ủy-viên Hộ-tịch,

Ủy-viên Tài-chánh,

Phó Chủ-Tịch,

HỒ-NGỌC-THUẬN

NHÂN-VĂN-HAI

VIỆT - NAM CÔNG - HOA

100.

H BNXUYÊN

AN Mỹ-xuyên

Khánh-Hung

TRÍCH - LỤC

BỘ KHAI-SANH

Năm (1. 9 6 9)

Số biên : 5 0

Tên và họ đứa trẻ	HOÀNG-THỊ-NGỌC
Nam hay Nữ	NỮ
Sanh ngày	ĐA BỐC LỘC, THÁNG MỘT NĂM MỘT- AGIN CHIN TRAM SÁU MƯƠI CHÍN.
Nơi sanh	TRAM-VIET, THANH-BÖI-CHAU, KHANH-HUNG
Tên và họ Cha	HUYNH-KINH-CHIEU
Nghề nghiệp	QUYNH-KHON
Nơi cư-trú	77 YERSIN
Tên và họ Mẹ	NGUYEN-THANH-HUONG
Nghề nghiệp	KOL-THO
Nơi cư-trú	77 YERSIN
Vợ chánh hay vợ thứ	VỢ CHÍNH

TRÍCH Y TRONG BỘ

Chứng thật chữ ký ngang đây cho

Ủy-Ban HJ. KH. Khanh-Hung

BNXUYÊN ngày / tháng năm 1969

Thị trấn Khánh-Hung

Khánh-Hung, ngày / tháng năm 1969

Chủ-Tịch

Thư-Ký phụ-trách

Vice-Chair HJ-Tịch



NGUYEN-THANH-HUONG

Số hiệu : 4233

SECRET

Làm tại Vinhlei, ngày 24 tháng 12 năm 19 70
 Người khai, Chiến sỹ Hộ lại Nhân chứng
Thủ lý ký lưu và Nhân ký
 chấp 1 1000 24
 Vinhlei ngày 24 tháng 12 năm 1970
 Ủy viên Hội đồng

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH BA-XUYỀN

QUẬN MỸ-XUYỀN

XÃ KHÁNH-HƯNG

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Số hiệu: 481

Tên họ người chồng HUỖNH-MINH-CHIẾU

Quân-nhân

sinh ngày 16 tháng 07 năm 1940

tại Xã Khu Phú-Mỹ (Sóc-Trang)

cư-sở tại Khánh-Hưng (Ba-Xuyến)

tạm-trú tại

Tên họ cha chồng Huỳnh-vững - Thân (chết)

(Sống chết phải nói) Võ-thị-Dạ 65 tuổi (sống)

Tên họ mẹ chồng NGUYỄN-THIÊN-HƯƠNG

(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ Nội-Trợ

sinh ngày 02 tháng 03 năm 1940

tại XÃ LONG - PHÚ (BA-XUYẾN)

cư-sở tại Khánh-Hưng (Ba-Xuyến)

tạm-trú tại

Tên họ cha vợ NGUYỄN-NGỌC-KIỀU 59 tuổi (sống)

(Sống chết phải nói) Trần-Ngọc-Liêng 59 tuổi (sống)

Tên họ mẹ vợ

(Sống chết phải nói)

Ngày cưới Mười bốn tháng bảy năm một ngàn chín trăm Sáu mươi Lăm.

Vợ chồng khai có hay không hôn-khế

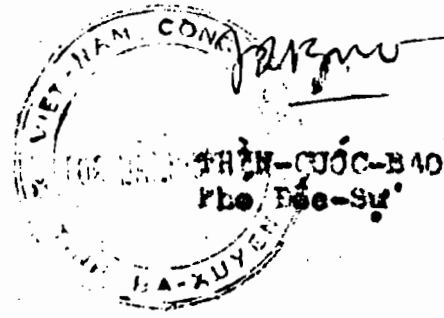
ngày // tháng // năm //

ngày // tháng // năm //

Chứng cho hợp pháp tại
Ủy-Ban Hành-Chánh Xã
Khánh-Hưng ?

Ba-Xuyến ngày 22 tháng 7 năm 1965

TRƯỞNG TỶ HẠNH-CHÁNH



Trích y bản chính

Khánh-Hưng ngày 22 tháng 7 năm 1965

Chỉ-Tịch Kiểm Phó Chủ-Tịch

VIỆN-CHỨC-HỘ-LAI



Handwritten signature and name: Nguyễn-văn-Dự



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand 8/31/88

Huyuh Minh Chien
C/O Huyuh Quang Nam

Reference: IV 208943

Dear Sir/Madam:

Huyuh Minh Chien (S)

We have received your application and have opened a file for you. Your file (IV) number is listed above. Please mark this number on all documents and correspondence you send to us.

The following is a list of documents which are usually needed to complete our file. Before we can accept you, we must have these documents.

Family Documents

- A copy of your birth certificate and the birth certificates of each member of your family.
- A copy of your marriage certificate (if there was a previous marriage we will also need a death certificate or divorce decree to show the marriage was legally terminated).
- A copy of each person's Vietnamese ID card.
- A photo of each person.

Employment Documents

- Photocopies of papers that show you worked for the U.S. Government or a U.S. organization. Papers that show you worked closely with U.S. officials or U.S. programs while working for the Vietnamese Government or serving in the Vietnamese Military before April 30, 1975. Papers that show you went to school or had training in the U.S. or in another country with U.S. help.

These papers could be personnel actions, payroll slips, certificates, diplomas, ID cards, travel orders, or the like. Also send the names of American supervisors or advisors, or copies of any letters you may have received from them.

- If you or a member of your family has been in re-education, send a copy of the release certificate.
- If you have a close relative in the United States or another country send us the name and address, and tell us how the person is related to you.

NOTE: Your legal spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you to the United States.

You should collect these documents and send them to us. If you have already submitted some of these documents, you may wish to forward copies of them again to ensure that the copies will be included in our file.

In addition to submitting the required documentation, you should apply for Exit Permits. We must stress the fact that even when our file is complete, it is still the decision of the Vietnamese authorities whether or not you will be permitted to depart. This office has no influence over decisions by the Vietnamese authorities regarding the issuance of Exit Permits. Therefore, all efforts to obtain Exit Permits must be made by you.

Please inform us of any change of address or telephone number, for either you or your relatives in the U.S., and always write the IV number (five or six digits) on your letter.

This letter is not being sent to you because we have already reviewed our file for you, but rather to inform you that we have established a case file and to tell you the IV file number. After you have submitted all the required documentation, we will then be able to complete our file. If any other information or documents are needed, we will contact you when we review the file. Please do not write to us unless it is to report a change of address, or to tell us you have obtained Exit Permits; in that case, send us the Exit Permit numbers.

Sincerely,

Orderly Departure Program
127 South Sathorn Road
Bangkok, 10120, Thailand

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYNH MINH CHIEU
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 07 16 1940
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 69 NGUYEN MINH KHAI, Kham 3, Phuong 3
 (Dia chi tai Viet-Nam) SOC TRANG, HAI GIANG, VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 6/75 To (Den): PRESENT

PLACE OF RE-EDUCATION: Z30 D K2 BASE 5 GROUP 1 HAMTAN TOWN HAI
 CAMP (Trai tu) RECONSTRUCTION CAMP

PROFESSION (Nghe nghiep): ARMY OFFICER - MAJOR (BACHIEU)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): NO

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): MAJOR - ARMY SECURITY OFFICER

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____ Date (nam): 4/30/75

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): YES
 IV Number (So ho so): 208943
 No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 04
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 69 NGUYEN MINH KHAI
Kham 3, Phuong 3, SOC TRANG, HAI GIANG - VN

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
NAM Q HUYNH

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): NEPHEW

NAME & SIGNATURE: Nam Q Huynh

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NAM Q HUYNH

DATE: 07 01 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH MINH CHIEU
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES:	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI THANH HUONG	3/2/40	WIFE
HUYNH MINH CHAU	1/24/67	SON
HUYNH MINH NGOC	1/31/69	SON
HUYNH MINH TRI	12/21/70	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

CONTROL

- Card
- Doc. Request; Form
- Release Order
- Computer
- Form "D"
- CDP/Date
- Membership; Letter

9/16/89